

Số: 2488 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 05 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thực hiện công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và đồng thời bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 1,2,3,4,5,28,30,32,33 tại Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- Thường trực UBND TP;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VP UBND TP (2A,3G);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, P.Vân.



CHỦ TỊCH

Trần Việt Trường



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Quyết định số 2488 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:					
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	<p>Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>- 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh .</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p>	<p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;</p>

2	<p>Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>- 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
3	<p>Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>- 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ ;

				đổi từ hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh . - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh . 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;

					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh . - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
6	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH,	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP

	<p>công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>			<p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử .</p>	<p>ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT- BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 02/2019/TT- BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</p>
7	<p>Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>- 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.</p>	<p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT- BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 02/2019/TT- BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-</p>

					BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
8	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	- 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
9	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	- 50.000 đồng, đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ

					<p>Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</p>
--	--	--	--	--	---